

中央音乐学院创作丛刊

越南歌曲九首

9 BÀI HÁT VIỆT-NAM

中央音乐学院编

音乐出版社

中央音乐学院创作丛刊

越南歌曲九首

編輯者：中央音乐学院

作曲者：陈玉昌、黄云等
阮辉猷、范庭六

音乐出版社出版（北京和平门外西琉璃厂170号）

北京市书刊出版业营业许可证出字第063号

新华书店北京发行所发行

全国新华书店经售

*

787×1092毫米 16开 2印张 29面乐谱

1960年8月北京第1版

1960年8月北京第1次印刷

印数：0,001-1,630册

统一书号：8026·1415 定价0.35元

中央音乐学院创作丛刊

越南歌曲九首

目 次

1. 致香河	陈玉昌曲	2
2. 第一次的丰收(独唱)	黄 云曲	6
3. 回家乡(男高音独唱)	阮辉献曲	10
4. 打夯歌(领唱、男声合唱)	范庭六曲	13
5. 月下浇田(女声小合唱)	黄 阮曲	16
6. 乡村的早晨(独唱)	陈玉昌曲	22
7. 摇篮曲(独唱)	阮廷积曲	24
8. 捻线穿针	阮辉献曲	26
9. 蜘蛛牵丝(独唱)	阮辉献曲	29
后记	赵 汎	31

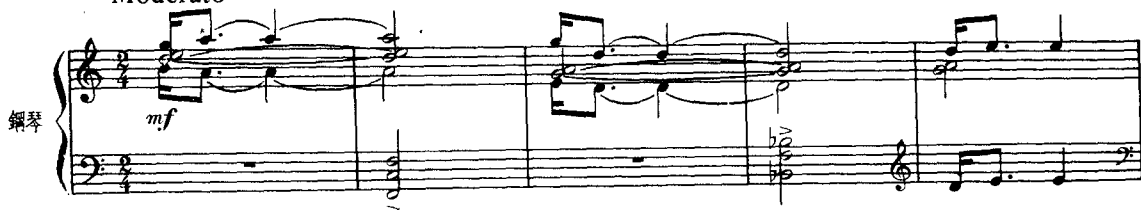
致香河

Nhạc và lời: Trần Ngọc Tường

Nhân dòng sông Hương

陈玉昌词曲
陈玉昌译词 马辉配歌

Moderato



Animato con brio



Agitato

Nhớ về miền Nam đang sống trong những
 南方的人 民 还 过 着 苦 难
 香 河 啊 香 河, 故 人 疯 狂 屠 杀
 北 方 和 南 方, 祖 国 一 定 会 统 一

mp

ngày làm than ! Nhớ thường dòng sông vắng
 难 的 日 子, 香 河 啊 香 河, 再 也
 thú cāng sâu ! ưát cảm cāng sao, tranh
 我 们 兄 弟, 我 们 不 能 忘 记, 我 们
 trưi tui do ! ưa vì dòng sông ròn
 一, 会 统 一。 到 了 那 时 候, 我 们

tiếng hò mái dầy, đã mây mùa ché mong mi ánh
 没 人 唱 歌, 南 方 的 人 民 梦 想
 đâu cāng ưang, tin chái ư, ngày mai khi ánh
 一 定 要 报 仇, 要 相 信 太 阳 会 升
 tiếng vui hát hò, ưưng sáng trời miên Nam toàn ánh
 愉 快 地 歌 唱, 到 处 红 旗 飘 扬, 全 星

sao vàng bay, ước mơ mùa xuân về, phá tan trời mây
 金 星 红 旗, 希 望 春 天 早 来 到, 希 望 春 天 早 来 到
 đứng bình lân, bóng dáng từ khi về, quét tan đôi nô
 起, 井 起, 黑 暗 的 时 代, 就 会 永 远 不 存
 sao vàng bay, Bắc Nam cũng vui mừng, đẹp xây một cuộc
 红 旗 飘, 此 方 和 南 方, 共 同 建 设

11.2.
 mù! 到!
 在!
 cresc. a tempo

13.
 sông dài âm no!
 红 河 家 乡!
 đây 我们
 f mf cresc.
 rit. f

第一次的丰收

Lời: Nguyễn Bao
Nhạc: Hoàng Vân

Khúc hát mới trên cánh đồng Điện Biên Phủ.

(独唱曲)

阮包詞 黄云曲
黄云詩詞 石夫配歌

Andante espressivo

鋼琴



trước. Bây giờ các anh
场, 如今 啊! 是 富饶的农 庄。
quê mùa lúa đầy tiền.

con animato

Mùa lúa mới trên Điện Biên lịch sử. Chiến trường xưa
光 荣 的 奠 边 府 战 场, 早 已 征

稍快 节奏鲜明

mf

này bát ngát nông trường. Đã mờ dấu vết xe
变 了 模 样。 战 争 的 履 迹 早 已

poco allarg.

tàng quân nát Đất bao quanh trong tiếng máy cày vang.
淹 没, 到 处 是 拖 拉 机 歌 唱

f a tempo

O! 啊! lúa óng óng nghiêng mình trong gió sớm Giải lụa

一片金 黄像 姑娘的衫 裾, 在 微

f a tempo

poco allarg.

vàng ai thổi giữa ruộng xa O! 啊!

风 里 轻 轻 过 漾。 啊!

f

f a tempo

lúa thơm nức lúa ngát trời Đây Bác ơi Những ngày mưa

沉 甸 甸 的 稻 禾 散 发 着 芳 香, 这 一 切

f

rit.

góc nhà dưới quê ta.

都是 丰 收 的 景 象!

rit.

Tempo I

mp

Có ai về tới ở - chân trời phía Tây Bắc quốc
你 如 果 要 到 远 远 的 边 疆,

p

Đôi gửi lời chào chiến sĩ Điện Biên Dẹp tất
代 我 向 英 雄 们 致 敬, 英 雄 们

rit.

lửa chiến-tranh năm trước ở - Tay các anh
摸 天 战 争 的 火 焰, 又 带 来

rit.

a tempo

gặt mùa lúa đầu tiên.
和 平 的 幸 福!

a tempo

pp

回家乡

Hàng dừa xanh

Nhạc và lời
Nguyễn Huy Du.

(男高音独唱)

阮辉献词曲
石夫、侯均、李亚词
石夫配歌

Andante

1. Quê hương ơi! Đã bao lâu xa
故乡啊! 离别你那么久
2. Quê hương ơi! Sông bao la mênh mông
故乡啊! 你有壮阔

mf

Tôi không nhìn thấy hàng dừa xanh
绿椰丛, 如今
màu trời trên núi rừng hùng vĩ
美丽的山林, 你有
Hôm nay trở về hoa nở trước hiên
我回来 花满阶前;
Thương trải khăn yêu hoa nở dưới cội dừa
清香 拂弄的椰林丛;

thu một bông hoa cài lên áo quân trang còn loang ánh nắng
 摘一朵插在那军装上, 想起
 rừng lá cao cao ngàn sao sáng sẽ trăng đêm vắng tên lính xưa
 在这繁星闪闪平静的月夜, 远

vọng.
 1,
 nơi
 处
 Quê hương tuổi thơ của mùa thu
 想起了我的童
 Quê hương nhà tranh dăng dừa xanh
 传来了幸福的歌

xưa, Hôm nay người con của quê hương phục viên bộ quân trang dầu lửa thay đã phai màu nhũn tằm
 年。你儿子今日归来, 虽然军装已褪了色, 可是
 xanh, Hôm nay từ núi rừng biên cương về đây như quê hương đời thay là thấy trong lòng như tràn
 声。故乡你打扮得更美丽, 到处是一片欢腾, 我的

poco a poco cresc. e accel.

ta xanh mãi như lá trên rừng xanh.
 我这一颗火热的心，
 thêm sức sống như sóng kéo trên Đông.
 心中多么激动；

Mau trái tim bao ngày,
 无限忠诚，
 Kêu gọi quê hương đất nước.
 亲爱的母亲，

chúng ta mãi mãi say, dâng về quê hương
 永远献给你，我的祖国，
 lấy sức mạnh tình yêu thương, dâng về cho quê hương.
 愿将青春永远献给你，

Trong lòng muốn là
 我亲爱的
 Mong ngày mai lúa
 愿你五谷

mẹ - lung bay.
 母亲来！
 mua thêm sóng.
 丰登！

1.
 2.

打 夯 歌

Dân ca Việt nam
Sắp lời mới: Mai Khanh
Sắp nhạc: Phạm Đình Sáu

Hố nện

越南民歌
范真六编曲 梅脚词
范六、梅脚译词 石夫配歌

稍慢 兴奋、有力 (♩=66)



〔男声合唱〕



〔男高音领唱〕



〔唱合〕



注：“呼啦宽啦”“勃伙勃汇”是越南文的衬词。

cresc.

truyền non nước
解放的船,
người nô nước
要建設 *cresc.*

vượt qua thác ghềnh.
冲破惊涛骇浪。
đúng xây nước nhà *cresc.*
美好新天地 *f*

là hui là khoan
啦 呼 啦 宽,

Bà hơ Bơ hui
勃 伙 勃 汇,

Bà hui hốt
勃 汇 嘿,

cresc. *ff*

poco a poco di - mi - nu - en - do

hui hơ khoan là hui là khoan là hui là khoan a là khoan hơ khoan là hui là khoan
汇伙宽啦, 呼啦宽啦, 呼啦宽啊啦, 宽伙宽啦, 呼啦宽,

poco a poco di - mi - nu - en - do

Più mosso (♩ = 72 - 76)

mf

Chúng người
同人民,
hà này
明天啊!

chung sức cùng nhau
同心协力,
Nam Bắc hòa vui
南北共欢聚,

Đầy
奋勇
cánh
金星

là hui là khoan
啦 呼 啦 宽,

là hui là khoan
啦 呼 啦 宽,

mf

cresc. *f*

ngũy thông nhất
向 前,
hồng cơ thắm
红 旗,

cresc. *f*

rang mau trở về
为祖 國 统 一。
sáng chói sao vàng.
鲜 艳 更 美 丽。

cresc. *f*

La hui la khoan
啦 呼 啦 宽,

cresc. *f*

Bô hô bô hui
勃 伙 勃 匯,

ff *f* *poco a poco dim.* *e*

Bô hui tít tít hui hô khoan la hui la khoan la hui la khoan a la
勃 匯 嘿 嘿 匯 伙 宽 啦, 呼 啦 宽 啦, 呼 啦 宽 啊 啦,

ff *f* *poco a poco dim.* *e*

rit. *mf* *Tempo I* *mp* *p* *pp*

khoan hô khoan la hui la khoan la hui la khoan la hui la khoan.
宽 伙 宽 啦, 呼 啦 宽 啦, 呼 啦 宽 啦, 呼 啦 宽!

rit. *mf* *mp* *p* *pp*